

BỘ CÔNG NGHIỆP
NĂNG-BỘ TÀI CHÍNH
Số: 96/TT-LB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 1993

THÔNG TƯ
CỦA LIÊN BỘ TÀI CHÍNH - CÔNG NGHIỆP NĂNG

Quy định về chế độ hoàn vốn tìm kiếm

thăm dò tài nguyên khoáng sản khi đưa mỏ vào khai thác

Căn cứ vào điều 21 Pháp lệnh về tài nguyên khoáng sản ngày 25-7-1989;

Thi hành điều 7 Nghị định số 195/HĐBT ngày 25-3-1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về việc thi hành Pháp lệnh về tài nguyên khoáng sản;

Liên Bộ Tài chính - Công nghiệp năng quy định chế độ hoàn vốn tìm kiếm thăm dò tài nguyên khoáng sản khi đưa mỏ vào khai thác sau đây:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Chế độ hoàn vốn tìm kiếm thăm dò tài nguyên khoáng sản nhằm hoàn lại một phần ngân sách Nhà nước đã đầu tư bằng kinh phí sự nghiệp cho công tác tìm kiếm thăm dò khoáng sản (dưới đây gọi tắt là công tác đánh giá mỏ) khi mỏ được chuyển vào khai thác.

Điều 2: Mọi đối tượng sử dụng tài liệu đánh giá mỏ vào mục đích khai thác mỏ (hoặc thăm dò tiếp để khai thác) đều phải nộp khoản tiền để hoàn vốn tìm kiếm thăm dò khoáng sản theo quy định tại Thông tư này khi mỏ đi vào khai thác.

Điều 3: Tài liệu đánh giá mỏ đối với tất cả các loại khoáng sản rắn, lỏng, khí (từ dầu khí) là toàn bộ các tài liệu đã thu thập và tổng hợp được trong quá trình nghiên cứu khảo sát, tìm kiếm thăm dò được thể hiện bằng các báo cáo tổng kết công tác tìm kiếm thăm dò và các tài liệu kèm theo đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt (Hội đồng xét duyệt trữ lượng khoáng sản Nhà nước, Cục địa chất Việt Nam, Bộ Công nghiệp năng).

Các tài liệu đánh giá mỏ khoáng sản được đầu tư bằng nguồn vốn sự nghiệp của ngân sách Nhà nước là các tài liệu quốc gia. Việc sử dụng tài liệu này vào các mục đích khác nhau đều

phải được cơ quan thẩm quyền cho phép.

Điều 4: Các trường hợp sử dụng tài liệu đánh giá mỏ khoáng sản vào các mục đích nghiên cứu khoa học, đào tạo, xây dựng kế hoạch, quy hoạch, chiến lược... theo nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước giao hoặc được Nhà nước cho phép thì không phải nộp tiền hoàn vốn.

II. ĐỐI TƯỢNG THU, MỨC THU, PHƯƠNG THỨC THU VÀ NGƯỜI NỘP TIỀN THU HOÀN VỐN

Điều 5: Đối tượng tính tiền thu là các tài liệu đánh giá mỏ khoáng sản được chủ đầu tư sử dụng vào mục đích khai thác mỏ (hoặc thăm dò tiếp để khai thác) được quy định tại Điều 3 của phần I Thông tư này.

Điều 6: Mức thu là toàn bộ số vốn đầu tư vào công tác đánh giá mỏ khoáng sản theo mặt bằng giá hiện hành tại thời điểm đưa mỏ vào khai thác.

Căn cứ xác định mức thu như sau:

- Giá trị vốn đầu tư vào công tác tìm kiếm thăm dò khoáng sản.
- Hiệu quả kinh tế của khoáng sản.
- Giá cả thế giới và khu vực về khoáng sản.
- Mức độ khuyến khích thu hút về đầu tư.

Đối với các mỏ đưa vào hợp tác đầu tư với nước ngoài thì ngoài giá trị vốn đã đầu tư đánh giá mỏ khoáng sản, còn được tham khảo giá công trình địa chất của các nước trong khu và tính thêm các khoản Nhà nước Việt Nam bao cấp.

Điều 7: Phương pháp xác định mức thu được xác định theo công thức:

Giá trị vốn TK - TD	=	Khối lượng công trình địa chất	x	Giá công trình địa chất hiện hành	+	Các tỷ lệ và chi phí khác
---------------------	---	--------------------------------	---	-----------------------------------	---	---------------------------

- Trong đó khối lượng công trình địa chất đã đầu tư vào công tác đánh giá mỏ được căn cứ vào các báo cáo tổng kết công tác đánh giá mỏ ở các giai đoạn từ nghiên cứu, khảo sát, tìm kiếm, thăm dò địa chất đã được cơ quan thẩm quyền xét duyệt.
- Giá công trình địa chất và các tỷ lệ chi phí khác lấy theo giá hiện hành do Bộ Tài chính, Bộ công nghiệp nặng và các Bộ chủ quản có cộng tác tìm kiếm thăm dò tài nguyên khoáng sản thống nhất ban hành, kể cả khoản tính thêm hợp lý.
- Trường hợp mỏ được cấp chỉ sử dụng một phần tài liệu địa chất thì số tiền phải nộp = giá trị vốn TKTD x hệ số trữ lượng mỏ được cấp.

Điều 8: Đối với nhà đầu tư khai thác mỏ là doanh nghiệp Nhà nước thì toàn bộ số tiền thu hoàn vốn tìm kiếm thăm dò mỏ khoáng sản được Bộ Tài chính làm thủ tục ghi thu ghi chi và ra thông báo giao vốn cho doanh nghiệp sử dụng. Doanh nghiệp hạch toán vào tài sản cố định vô hình và vốn cố định ngân sách cấp, đồng thời phải thực hiện chính sách bảo toàn vốn, nộp tiền sử dụng vốn, trích và nộp khấu hao tài sản cố định theo chế độ quy định. Mức khấu hao hàng năm được xác định theo thời hạn hoạt động của mỏ hoặc theo sản lượng khai thác.

Điều 9: Đối với nhà đầu tư khai thác mỏ là doanh nghiệp Nhà nước có một phần vốn đầu tư nước ngoài hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh với nước ngoài theo luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (trừ doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài) thì toàn bộ tiền thu hoàn vốn tìm kiếm thăm dò mỏ khoáng sản được chuyển thành vốn Nhà nước cấp hoặc cho vay để bên phía Việt Nam góp vào liên doanh (nếu có nhu cầu). Bên Việt Nam liên doanh với bên nước ngoài phải nhận vốn hoặc ký hợp đồng nhận vay với Bộ Tài chính theo Thông tư số 19TC/TCĐN ngày 9 tháng 6 năm 1992 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ nhận nợ và hoàn trả vốn ngân sách Nhà nước của các bên Việt Nam trong xí nghiệp liên doanh và hợp tác kinh doanh với nước ngoài.

Sau khi liên doanh xác nhận số nộp hoàn vốn đã tính vào vốn góp và Bộ Tài chính đã ra thông báo cấp hoặc cho vay với bên Việt Nam liên doanh mới được cấp giấy phép khai thác mỏ.

Các thành phần kinh tế khác ngoài doanh nghiệp Nhà nước của phía Việt Nam góp vốn đầu tư hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh với nước ngoài theo luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 10.